

*
Số - NQ/TW

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

Cập nhật 2024.09.11

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

**về chuyển đổi số quốc gia, góp phần đưa
Việt Nam trở thành nước phát triển trong kỷ nguyên số**

I- BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH

Chuyển đổi số là xu thế của thời đại; là nội hàm chính của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tạo ra các mô hình, phương thức phát triển mới, có tính đột phá.

Trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng, quan tâm thúc đẩy ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trước đây và công cuộc chuyển đổi số hiện nay. Chủ trương này được nhấn mạnh trong các nghị quyết cao nhất của Đảng, Nhà nước, được cụ thể hóa trong các nghị quyết của Chính phủ, các chương trình, đề án của Thủ tướng Chính phủ.

Trong hơn 10 năm qua, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số đã đạt nhiều kết quả tích cực, trở thành nội dung thiết yếu trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội. Chính phủ số được tăng hạng theo xếp hạng quốc tế, kinh tế số tăng trưởng tốc độ nhanh, xã hội số được đẩy mạnh triển khai, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận các dịch vụ số. Hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách cho ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số được quan tâm xây dựng, ban hành, cơ bản đầy đủ, toàn diện, phù hợp với xu thế phát triển. Nguồn nhân lực công nghệ thông tin từng bước khẳng định vị trí cao trên các bảng xếp hạng toàn cầu. Hạ tầng viễn thông – Internet được đầu tư, công nghệ hiện đại ngang tầm các nước phát triển. Công tác an toàn thông tin, an ninh mạng được quan tâm. Hoạt động hợp tác quốc tế về công nghệ thông tin được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hình ảnh và vị thế của Việt Nam.

Tuy ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số đã có thành công, nhưng vẫn tồn tại nhiều hạn chế. Chính phủ số chưa phát huy hết hiệu quả, hoạt động của cơ quan nhà nước chưa được đưa lên môi trường số đồng bộ, còn đơn lẻ, thiếu kết nối, chia sẻ dữ liệu, tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý

trực tuyến toàn trình còn thấp; kinh tế số ngành còn chậm phát triển; tỷ lệ doanh nghiệp số trên tổng dân số còn thấp, chưa làm chủ công nghệ lõi, công nghệ cao; xã hội số triển khai chưa đồng đều, nhiều dịch vụ số thiết yếu chưa được phổ cập; hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách đôi khi còn chưa theo kịp nhu cầu, tốc độ phát triển; nhân lực cho chuyển đổi số còn thiếu và yếu, chưa đồng đều, nhất là nhân lực trình độ cao trong các ngành kinh tế mới nổi; an toàn thông tin, an ninh mạng còn nhiều thách thức trong bối cảnh phát triển bùng nổ công nghệ và hội nhập quốc tế.

Những hạn chế nêu trên có những nguyên nhân chủ quan và khách quan; trong đó, nguyên nhân chủ quan là chính. Công tác chuyển đổi số vẫn chưa được quan tâm đúng mức; chưa thống nhất nhận thức, đổi mới tư duy, phương pháp luận, cách tiếp cận và tổ chức thực hiện; phân công nhiệm vụ chưa rõ việc, rõ trách nhiệm; thiếu công cụ theo dõi, đánh giá hiệu quả việc thực hiện các chỉ đạo, dẫn đến kết quả, hiệu quả còn thấp; kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm; sự lãnh đạo chỉ đạo tổ chức thực hiện ở một số bộ, ngành, địa phương còn thiếu quyết liệt, sâu sát, cụ thể, thiếu quyết tâm chính trị, vai trò người đứng đầu chưa được phát huy; chưa có sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị trong xử lý vướng mắc, bất cập có tính chất liên ngành; vẫn còn tình trạng đùn đẩy, tâm lý e dè, sợ sai, sợ trách nhiệm.

II- QUAN ĐIỂM

1. Chuyển đổi số là động lực quan trọng để phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất; là nội hàm chính của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; là phương thức phát triển mới, có tính đột phá, để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; góp phần đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045.

2. Chuyển đổi số là sự nghiệp của toàn dân, toàn xã hội và cả hệ thống chính trị; với trọng tâm ba trụ cột Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số để xây dựng Việt Nam hiện đại thông qua chuyển đổi số toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường.

3. Chuyển đổi số dựa trên hai nền tảng là hạ tầng số và dữ liệu số. Hạ tầng số bao gồm bốn thành phần hạ tầng viễn thông - internet; hạ tầng dữ liệu; hạ tầng vật lý-số; hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ phải được quan tâm và xây dựng trước một bước. Dữ liệu số là tài nguyên, là tư liệu sản xuất mới cần được khai thông, giải phóng tiềm năng để tạo ra giá trị mới, đưa vào thương mại hóa; được xác lập quyền sở hữu, định giá và phân phối.

4. Đầu tư cho chuyển đổi số là đầu tư cho động lực phát triển và bảo vệ đất nước. Khai thông và phát huy tối đa mọi nguồn lực xã hội, có cơ chế đột phá thu hút nhân tài, đưa Việt Nam trở thành trung tâm nhân lực công nghệ số toàn cầu.

5. Làm chủ công nghệ số; bảo đảm an toàn, ninh mạng; giữ vững chủ quyền số, bảo vệ sự thịnh vượng quốc gia trên không gian mạng.

III- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiên phong chuyển đổi số và phát triển công nghệ số, góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển trong kỷ nguyên số. Công nghệ số được tích hợp sâu rộng, làm thay đổi toàn diện hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường nhằm nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia, chất lượng cuộc sống, chỉ số phát triển con người Việt Nam; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể đến 2030

a) Hoàn thành xây dựng hạ tầng số tiên tiến, hiện đại, với dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng, phổ cập, bền vững, xanh, thông minh, mở và an toàn. Việt Nam thuộc nhóm 50 quốc gia dẫn đầu theo bộ chỉ số Phát triển công nghệ thông tin (IDI) của Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU).

b) Hoàn thành xây dựng Chính phủ số, thuộc nhóm 50 quốc gia dẫn đầu trên thế giới, nhóm 03 quốc gia dẫn đầu trong khu vực ASEAN theo xếp hạng của Liên Hợp quốc. Các dịch vụ Chính phủ số được cung cấp liền mạch, toàn trình cho người dân và doanh nghiệp.

c) Phát triển nhanh kinh tế số, là động lực mới cho tăng trưởng, phát triển nền kinh tế bền vững, quy mô kinh tế số chiếm ít nhất 30% GDP. Công nghiệp công nghệ số đóng góp cao nhất (tối thiểu 8%) trong GDP; Việt Nam trở thành trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số có lợi thế như: bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp điện tử thế hệ mới. Tích hợp sâu rộng công nghệ số với các ngành, lĩnh vực kinh tế thực, tập trung vào các lĩnh vực quan trọng như dịch vụ, tài chính, công nghiệp, năng lượng, giao thông vận tải, nông nghiệp, giáo dục, y tế, môi trường.

d) Phát triển đột phá về dữ liệu và kinh tế dữ liệu, là tài nguyên quan trọng cho chuyển đổi số. Hoàn thành việc xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia cơ bản, kết nối, khai thác hiệu quả; hình thành các nền tảng dữ liệu gắn với kịch bản ứng dụng cho các ngành kinh tế trọng điểm; phát triển kinh tế dữ liệu đạt tốc độ phát triển gấp 3 lần tăng trưởng GDP; hình thành một số sàn giao dịch dữ liệu.

đ) Phát triển xã hội số Việt Nam đạt mức cao của thế giới, người dân có đủ năng lực, kỹ năng số để trở thành công dân số, tham gia sáng tạo và sử dụng các dịch vụ số, tham gia thị trường lao động toàn cầu; giải quyết các vấn đề về phát triển bao trùm, bền vững.

e) Văn hóa số được tạo lập, phát triển, với nhiều sản phẩm, dịch vụ chất

lượng cao, góp phần phát triển nền văn hóa và con người Việt Nam được toàn diện, hội nhập; hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

g) Hình thành văn minh sinh thái số thông minh và xanh. Chuyển đổi mạnh mẽ và sử dụng công nghệ số để quản trị các hoạt động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường.

h) Phát triển nguồn nhân lực công nghệ số đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm đáp ứng nhu cầu trong nước về số lượng và chất lượng; có khả năng cung cấp nguồn nhân lực công nghệ số chất lượng cao cho khu vực và thế giới.

i) Năng lực nghiên cứu, sáng tạo, làm chủ và ứng dụng công nghệ số được nâng cao; bảo đảm an toàn, an ninh mạng, giữ vững chủ quyền, bảo vệ quốc gia, bảo vệ chế độ, bảo vệ sự thịnh vượng của Việt Nam trên không gian mạng; góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ. Duy trì thứ hạng 25 về Chỉ số An toàn không gian mạng toàn cầu theo đánh giá của Liên minh Viễn thông Quốc tế.

3. Tầm nhìn đến 2045

Hình thành Việt Nam số, chuyển đổi số toàn diện các lĩnh vực kinh tế - xã hội; góp phần quan trọng đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa; Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về Chính phủ số theo đánh giá của Liên Hợp quốc; quy mô kinh tế số chiếm ít nhất 50% GDP; hạ tầng số tiên tiến, hiện đại, ngang tầm với các nước phát triển trên thế giới; Việt Nam trở thành một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới.

IV- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Thống nhất nhận thức, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về chuyển đổi số

a) Tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng trong thực hiện chuyển đổi số. Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ban hành và triển khai kế hoạch giai đoạn 05 năm, hằng năm để chỉ đạo, điều phối, giải quyết tháo gỡ các khó khăn, những vấn đề lớn, mới, có tính liên ngành, trên quy mô quốc gia. Người đứng đầu các cấp, các ngành tiên phong, đi đầu trong việc chuyển đổi số, trực tiếp chỉ đạo, trực tiếp làm, thành thạo sử dụng. Lấy kết quả chuyển đổi số làm cơ sở đánh giá cán bộ.

b) Chuyển đổi số là một trụ cột bắt buộc, được tích hợp sâu rộng trong nội dung các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn, là nhiệm vụ quan trọng của các cấp chính quyền nhằm tạo sự phát triển đột phá.

c) Quán triệt sâu rộng, thường xuyên, phù hợp trong các tổ chức đảng, chính

quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về chuyển đổi số. Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến trên môi trường số, tạo hiệu ứng lan toả. Lựa chọn mô hình điển hình thành công, có tính phổ quát cao để phổ biến nhân rộng, phổ cập.

2. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách thúc đẩy, kiến tạo chuyển đổi số

a) Xây dựng khung khổ pháp lý đáp ứng yêu cầu chuyển dịch hoạt động trong môi trường thực lên môi trường số; bảo đảm mỗi bộ luật, quy định của các ngành, các lĩnh vực có nội dung quy định hoạt động trên môi trường số.

b) Đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế số đảm bảo vừa theo kịp, vừa kiến tạo sự phát triển vì sự thịnh vượng quốc gia và hạnh phúc Nhân dân. Tháo gỡ kịp thời và đồng bộ những khó khăn, vướng mắc nhằm tạo thuận lợi thúc đẩy chuyển đổi số. Đẩy mạnh hoạt động hoàn thiện thể chế số qua mô hình “thí điểm, thành công và thể chế hoá để phổ cập”. Nghiên cứu, xây dựng và triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, miễn trừ một số trách nhiệm có điều kiện để thử nghiệm công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh mới.

c) Hoàn thiện cơ chế về tài chính và đầu tư cho chuyển đổi số. Có cơ chế cho phép sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư, xây dựng nền tảng số có quy mô quốc gia, vùng và được sử dụng chung cho nhiều cơ quan, tổ chức. Ưu tiên lựa chọn hình thức thuê, mua dịch vụ chuyển đổi số phù hợp với sự phát triển nhanh của công nghệ số, đảm bảo yêu cầu về duy trì, vận hành, an toàn, an ninh mạng; tăng cường hoạt động thuê các chuyên gia với thời hạn thuê phù hợp và theo giá thị trường.

d) Xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D) trong chuyển đổi số. Tăng cường cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho một số tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân.

đ) Rà soát, bổ sung các cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư cao nhất đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng số sử dụng giải pháp, công nghệ tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường; cơ chế chính sách ưu đãi cao nhất cho phát triển, sản xuất, ứng dụng sản phẩm công nghệ số.

e) Xây dựng thể chế cho phát triển dữ liệu, tài sản số. Xác lập quyền sở hữu, định giá, phân phối dữ liệu; Nhà nước có cơ chế định giá linh hoạt, phù hợp dữ liệu lĩnh vực công để khai thác hiệu quả nguồn dữ liệu, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Dữ liệu của doanh nghiệp không chứa thông tin cá nhân thì doanh nghiệp được sở hữu, kinh doanh; dữ liệu của doanh nghiệp có thông tin cá nhân và đã bỏ thông tin cá nhân thì doanh nghiệp được kinh doanh; dữ liệu cá nhân được uỷ quyền kinh doanh, không uỷ quyền một lần. Hoàn thiện thể chế về quản lý, sử dụng tài sản số.

g) Xây dựng chính sách thu hút và đãi ngộ, hệ thống chức danh, vị trí việc làm phù hợp đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên đổi số.

h) Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia, chuyên ngành nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, theo kịp sự phát triển của công nghệ số và xu thế của thế giới.

i) Hoàn thiện pháp luật về báo chí, quy định quản lý thông tin trên không gian mạng, thúc đẩy chuyển đổi số báo chí, quản lý cán bộ, cơ quan báo chí, mạng xã hội, bảo đảm các nền tảng xuyên biên giới, mạng xã hội nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, tuân thủ quy định pháp luật của Việt Nam.

k) Ưu tiên nguồn tài chính cho chuyển đổi số. Bổ sung loại chi riêng trong ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số; hướng tới chi ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số đạt tối thiểu 1%.

3. Xây dựng hạ tầng số tiên tiến, hiện đại, xanh, thông minh, mở và an toàn

a) Ưu tiên nguồn lực, triển khai hiệu quả quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông. Tăng cường đầu tư phát triển các hệ thống truyền dẫn quốc tế (cáp quang biển, đất liền, vệ tinh), truyền dẫn trong nước dung lượng lớn, bảo đảm nhu cầu dự phòng, kết nối đa dạng, an toàn, bền vững.

b) Tận dụng cơ sở hạ tầng hiện có, tiếp tục xây dựng và mở rộng mạng cáp quang băng rộng tốc độ cao đến các thôn, bản trên cả nước, thực hiện phủ cáp sẵn sàng kết nối cáp quang băng rộng đến hộ gia đình có nhu cầu; hạ tầng viễn thông băng rộng cố định bảo đảm cung cấp kết nối tốc độ trên 1 Gigabit/giây đến người sử dụng. Phát triển mạng 5G và các thế hệ tiếp theo.

c) Phát triển, thu hút đầu tư phát triển hạ tầng dữ liệu, bao gồm: các trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây đạt tiêu chuẩn quốc tế, an toàn, bền vững, theo tiêu chuẩn xanh.

d) Phát triển hạ tầng vật lý - số. Triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Hình thành một số thành phố lớn triển khai Bản sao số (Digital Twins), trong đó, mô phỏng, ánh xạ toàn bộ thế giới thực lên môi trường số để quản lý, phát triển.

đ) Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng về định danh và xác thực điện tử, thanh toán điện tử, hóa đơn điện tử, chia sẻ dữ liệu và các nền tảng số khác có tính hạ tầng.

e) Kết nối, đồng bộ giữa các quy hoạch liên quan đến hạ tầng thông tin và truyền thông với các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và không gian quốc gia, với quy hoạch, kế hoạch về công trình năng lượng.

g) Phát triển các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư

nhân trong nước có quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có năng lực cạnh tranh quốc tế, đóng vai trò dẫn dắt, trụ cột trong phát triển hạ tầng số.

4. Nâng cao năng lực quản trị số quốc gia, phát triển Chính phủ số

a) Chuyển đổi số toàn diện hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, thực hiện quản lý, điều hành, hoạt động trực tuyến, dựa trên dữ liệu.

b) Chuyển đổi số trong tất cả các ngành, lĩnh vực để nâng cao năng lực quản trị, quản lý vận hành các hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, quản trị hoạt động của các doanh nghiệp, trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và các doanh nghiệp lớn.

c) Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dựa trên cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu, người dân chỉ phải cung cấp một lần khi thực hiện thủ tục hành chính.

d) Xây dựng môi trường, phát triển công cụ làm việc dựa trên dữ liệu và công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức; hướng tới đưa toàn bộ hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường số.

đ) Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số, hình thành mạng lưới chuyển đổi số từ Trung ương đến địa phương.

e) Tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức các kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu, năng lực kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

5. Phát triển công nghiệp công nghệ số, làm chủ công nghệ lõi

a) Phát triển kinh tế số công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trở thành ngành công nghiệp nền tảng, là xương sống đóng vai trò trọng yếu phát triển kinh tế số và xã hội số; không chỉ phát triển phần mềm, dịch vụ công nghệ số, mà phải phát triển cả công nghiệp phần cứng như chip bán dẫn, công nghiệp điện tử, làm chủ các công nghệ quan trọng như Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Bigdata), trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây (Cloud). Áp dụng mức ưu đãi cao nhất về thuế, đất đai, tín dụng, thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân cho hoạt động nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

b) Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, làm chủ công nghệ số, công nghệ lõi, công nghệ mở để phát triển các ứng dụng số, nền tảng số phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Nâng tỷ trọng chi ngân sách nhà nước cho nghiên cứu - phát triển các công nghệ nền, khoa học cơ bản về công nghệ số.

c) Phát triển công nghiệp bán dẫn, đột phá trong một số lĩnh vực chính: công nghiệp điện tử, công nghiệp viễn thông, công nghiệp ô tô, y tế, năng lượng, nông nghiệp, công nghiệp quốc phòng, an ninh. Xây dựng năng lực đổi mới sáng

tạo trong lĩnh vực bán dẫn, coi đổi mới sáng tạo là định hướng chính trong sản xuất và phát triển công nghiệp bán dẫn, tập trung, chú trọng vào trí tuệ nhân tạo.

d) Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số làm tại Việt Nam (Make in Việt Nam) phục vụ chuyển đổi số quốc gia nhằm thực hiện mục tiêu kép vừa thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực cạnh tranh toàn cầu. Tăng cường đặt hàng, giao nhiệm vụ nghiên cứu các công nghệ số phục vụ các lợi ích kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Có chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp công nghệ số vừa và nhỏ chuyển đổi số; đạt tỷ lệ số doanh nghiệp công nghệ số tương đương các nước phát triển.

đ) Triển khai các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia, chương trình mục tiêu quốc gia về công nghệ số, tập trung vào các công nghệ mới mang tính chiến lược.

e) Xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, trung tâm tính toán hiệu năng cao; xây dựng cơ chế cho các doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng khai thác sử dụng.

g) Phát triển hệ thống Khu công nghệ thông tin tập trung tạo không gian phát triển cho doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ số, tạo môi trường nghiên cứu, thử nghiệm áp dụng các công nghệ mới.

h) Thu hút các doanh nghiệp có đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trong việc thiết kế, sản xuất các sản phẩm công nghệ số có hàm lượng công nghệ cao, đóng góp giá trị lớn.

6. Tăng cường ứng dụng, tích hợp công nghệ số với kinh tế thực để hình thành kinh tế số phát triển nhanh trong các ngành, lĩnh vực, đóng góp tỷ trọng lớn cho GDP

a) Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực tạo không gian mới để Việt Nam phát triển kinh tế số bứt phá, đưa kinh tế số trở thành lợi thế cạnh tranh quốc gia. Lựa chọn một số ngành, lĩnh vực tiềm năng, dư địa lớn để phát triển kinh tế số bao gồm: nông nghiệp; tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, năng lượng, du lịch; logistics và công nghiệp chế biến, chế tạo.

b) Xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển kinh tế số tại một số địa phương phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển; tổng kết, phổ biến và nhân rộng mô hình thành công.

c) Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia vào thị trường thương mại điện tử, cải thiện hạ tầng thanh toán và logistics.

d) Hình thành các doanh nghiệp, doanh nhân công nghệ mới, có năng lực làm chủ thị trường và vươn mình ra quốc tế. Phát huy vai trò chủ lực, tiên phong, dẫn dắt của các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước trong chuyển đổi số mô hình

hoạt động, hình thành hệ sinh thái các doanh nghiệp công nghệ, đổi mới sáng tạo cùng phát triển.

đ) Phát triển kinh tế số gắn với kinh tế xanh thông qua việc sử dụng năng lượng sạch, công nghệ thân thiện môi trường, giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Đồng thời, chuyển đổi số để chuyển đổi xanh.

7. Thúc đẩy phát triển dữ liệu và kinh tế dữ liệu

a) Tập trung nguồn lực đầu tư, đưa vào khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia, mỗi cơ sở dữ liệu quốc gia cần một đề án để thúc đẩy việc khai thác hiệu quả dữ liệu. Phát triển đồng bộ cơ sở dữ liệu của các cơ quan, các cấp trong hệ thống chính trị gắn với kịch bản khai thác và sử dụng.

b) Rà soát, loại bỏ các quy định dẫn đến cản trở dữ liệu; đảm bảo kết nối, liên thông giữa cơ quan trong hệ thống chính trị; tạo điều kiện người dân, doanh nghiệp khai thác để tạo ra giá trị mới; hình thành các sàn giao dịch dữ liệu. Bảo đảm cân bằng, hài hòa giữa quản lý và phát triển; giữa bảo vệ dữ liệu cá nhân với khai thác, giải phóng tiềm năng dữ liệu.

c) Xây dựng và hoàn thành sớm các bộ dữ liệu ngành, lĩnh vực có tính lan tỏa rộng, phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số, trước hết bao gồm các ngành, lĩnh vực: nông nghiệp; công nghiệp, thương mại và năng lượng; di sản văn hóa, di tích quốc gia; bảo hiểm xã hội; thị trường lao động việc làm; giáo dục; y tế; giao thông; tài nguyên và môi trường.

d) Triển khai hiệu quả, thiết thực chiến lược dữ liệu quốc gia, chiến lược dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương.

8. Xây dựng xã hội số để người dân hạnh phúc hơn

a) Phát triển các dịch vụ số cho người dân, bảo đảm người dân dễ tiếp cận, an toàn, đặc biệt là phát triển nhanh, phổ cập các dịch vụ thiết yếu cho cuộc sống người dân như về giáo dục, y tế; ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong giải quyết các vấn đề về phát triển bao trùm, bền vững mà Liên Hợp Quốc đã đề ra, bảo đảm người dân không ai bị bỏ lại phía sau.

b) Phát triển công dân số toàn diện với đầy đủ nhận thức, công cụ và kỹ năng số để tham gia an toàn, lành mạnh trên môi trường mạng. Ưu tiên bảo đảm hạ tầng số, nâng cao kỹ năng số trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Phát huy hiệu quả vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng.

c) Triển khai đồng bộ các giải pháp để giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường xã hội và người dân, đặc biệt tới đối tượng trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng. Thúc đẩy xây dựng và phát triển một số mạng xã hội, nền tảng số Việt Nam để thu hút người dân tham gia kết nối, học tập và làm việc, góp phần xây dựng xã hội số Việt Nam an toàn, bền vững.

9. Phát triển văn hóa số tích cực, lành mạnh và giữ gìn bản sắc dân tộc

a) Xây dựng văn hóa cộng đồng trên môi trường số, đồng thời phải giữ gìn được bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam trên môi trường số; xây dựng văn hóa ứng xử trên môi trường số.

b) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa để phát triển công nghiệp văn hoá. Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao, trên nhiều nền tảng; khuyến khích, thu hút đông đảo cộng đồng mạng sáng tạo và sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh và hướng thiện. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hoá, các di sản văn hóa số.

10. Xây dựng môi trường sinh thái số thông minh, gắn kết chuyển đổi số với chuyển đổi xanh

a) Tăng cường ứng dụng công nghệ số để quản trị các hoạt động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

b) Xây dựng các hệ thống, nền tảng thu thập, giám sát và quản lý tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái thông minh và hiệu quả; hệ thống thông tin địa lý (GIS) để lập bản đồ và phân tích dữ liệu, hỗ trợ các nỗ lực lập kế hoạch và bảo tồn môi trường sinh thái.

c) Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả nông nghiệp, nông thôn; phát triển hạ tầng xanh và đô thị thông minh; thúc đẩy xã hội tham gia lối sống thông minh và xanh.

11. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo đảm quốc phòng, giữ vững chủ quyền, bảo vệ quốc gia, bảo vệ chế độ trên không gian mạng

a) Xây dựng, hoàn thiện và thực thi các quy định, chính sách về an toàn thông tin, an ninh mạng, trọng tâm là bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật kinh doanh, quy định về cấu phần bắt buộc về an toàn, an ninh mạng trong đầu tư công nghệ thông tin, chuyển đổi số; quy định về an toàn hạ tầng số, nền tảng số, bảo hiểm an toàn, an ninh mạng.

b) Bảo đảm khả năng phục hồi nhanh, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng mức cao nhất cho hệ thống thông tin quan trọng, các nền tảng số, hạ tầng số quốc gia.

c) Phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ an toàn, an ninh mạng Việt Nam. Ưu tiên, khuyến khích các doanh nghiệp cùng tham gia phát triển, sáng tạo, làm chủ công nghệ và hệ sinh thái các sản phẩm giải pháp an toàn, an ninh mạng; duy trì Việt Nam thuộc nhóm nước dẫn đầu về an toàn thông tin, an ninh mạng.

d) Tăng cường giám sát ở quy mô quốc gia trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

đ) Bảo đảm độc lập, chủ quyền, sự thịnh vượng quốc gia trên không gian mạng. Trong đó, tập trung số hóa, thông minh hóa, hiện đại hóa vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự, an ninh; làm chủ vũ khí công nghệ cao dựa trên công nghệ số. Tăng cường ứng dụng công nghệ số, công nghệ quốc phòng mới trong các hệ thống chỉ huy, điều hành, quản lý lực lượng vũ trang; bảo đảm vũ khí, trang bị kỹ thuật theo hướng tự động hóa, góp phần thực hiện chính quy hóa, hiện đại hóa quốc phòng, an ninh; chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa chiến tranh mạng và chiến tranh điện tử.

e) Bảo vệ người dân và phát huy tối đa quyền cơ bản của con người trong thời đại số; đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin để cơ quan, tổ chức và người dân an toàn khi hoạt động trên môi trường số.

g) Phát huy vai trò các lực lượng chuyên trách an toàn thông tin, bảo vệ an ninh mạng và bí mật nhà nước. Thực hiện cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng công an, quân đội, ngoại giao, cơ yếu, thông tin và truyền thông.

12. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số

a) Phát triển đại học số để nhanh chóng tạo ra sự đột phá trong đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số, đảm bảo đủ số lượng, chất lượng và trình độ đáp ứng đủ nhu cầu thị trường lao động và tiếp cận thị trường quốc tế. Tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đưa Việt Nam trở thành trung tâm nhân lực công nghệ số, bán dẫn toàn cầu.

b) Xây dựng và triển khai chính sách, quy định phát triển, thu hút nhân tài số, tinh hoa toàn cầu về đào tạo số, nhân tài số thuộc cộng đồng người Việt Nam nước ngoài. Hình thành mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế về chuyển đổi số.

c) Tái cấu trúc lực lượng lao động, thực hiện đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cấp kỹ năng để lực lượng lao động thích nghi với thay đổi nhanh của công nghệ. Ban hành và kịp thời cập nhật khung, chuẩn kỹ năng số, thiết lập nền tảng học trực tuyến mở đại trà, cung cấp kiến thức, kỹ năng số cơ bản, miễn phí cho người dân; thúc đẩy phong trào học tập suốt đời.

d) Có chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, vùng, miền.

13. Tăng cường hợp tác quốc tế

a) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực chuyển đổi số. Thực hiện hiệu quả các hiệp định quốc tế về chuyển đổi số. Chủ động, tích cực tham gia xây dựng các quy tắc, tiêu chuẩn quốc tế về công nghệ số, chuyển đổi số.

b) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế đa phương, song phương; học tập kinh nghiệm

quốc tế; thu hút đầu tư trực tiếp các tập đoàn mạnh về công nghiệp công nghệ số trên thế giới. Lập các cơ sở nghiên cứu chính sách về công nghệ số và chuyển giao những thành tựu công nghệ số hiện đại.

c) Có cơ, chế, chính sách, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam đầu tư, mở rộng thị trường ra nước ngoài về công nghệ, dịch vụ số mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh, tăng nhanh doanh thu từ thị trường mới.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết.

2. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, sửa đổi, hoàn thiện pháp luật về chuyển đổi số; tăng cường giám sát hoạt động chuyển đổi số quốc gia; phê duyệt chủ trương và nguồn vốn cho các chương trình, dự án chuyển đổi số lớn theo thẩm quyền; tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển đổi số.

3. Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện chính sách liên quan đến chuyển đổi số quốc gia; ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để thực hiện Nghị quyết; rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản dưới luật có liên quan đến chuyển đổi số quốc gia.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch hướng dẫn, vận động Nhân dân thực hiện Nghị quyết, phát huy vai trò phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về chuyển đổi số quốc gia.

5. Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức, hướng dẫn việc quán triệt thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện, báo cáo Bộ Chính trị.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

Tô Lâm